

Số: 1231/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh  
và chuẩn trình độ ngoại ngữ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ/TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở đào tạo đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;


Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Kinh Tế - Luật về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo và Viện trưởng Viện Đào tạo ngoại ngữ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với chương trình đào tạo đại học chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng từ khóa tuyển sinh đại học chính quy năm 2023.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng, Trưởng khoa, Viện trưởng Viện Đào tạo ngoại ngữ, Trưởng đơn vị có liên quan và sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT



**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Công Gia Khánh**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

**QUY ĐỊNH**  
**TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, HỌC TẬP TIẾNG ANH**  
**VÀ CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1231/QĐ-ĐHKTL ngày 25 tháng 8 năm 2023  
của Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**CHƯƠNG 1**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định việc tổ chức giảng dạy, học tập tiếng Anh và chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với các chương trình đào tạo đại học chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - Luật (sau đây gọi tắt là Trường);
2. Văn bản này áp dụng đối với sinh viên khóa tuyển sinh đại học chính quy năm 2023;
3. Đối với các chương trình đào tạo thực hiện theo đề án, nếu có nội dung khác với quy định này thì áp dụng theo nội dung quy định của đề án.

**Điều 2. Ngoại ngữ**

1. Ngoại ngữ trong quy định này được quy định là một (01) trong chín (09) ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý (sau đây gọi tắt là ngoại ngữ);
2. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ sở tham chiếu để tổ chức giảng dạy, đánh giá và công nhận chuẩn trình độ ngoại ngữ của sinh viên.

**CHƯƠNG 2**  
**TỔ CHỨC GIẢNG DẠY TIẾNG ANH**

**Điều 3. Chương trình giảng dạy tiếng Anh**

1. Mục tiêu của chương trình giảng dạy tiếng Anh nhằm giúp sinh viên:
  - a. Phát triển toàn diện bốn (04) kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và tự tin sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế;
  - b. Đào tạo sinh viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học;
  - c. Có khả năng học các học phần trong chương trình đào tạo có yêu cầu sử dụng tiếng Anh ở mức độ phù hợp với trình độ đào tạo và ngành đào tạo;
  - d. Đáp ứng chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của các chương trình đào tạo chính quy



đối với sinh viên của Trường.

2. Cách thức tổ chức:

a. Chương trình tiếng Anh tổng quát dành cho sinh viên các lớp thuộc chương trình đào tạo dạy và học bằng tiếng Việt (*sau đây gọi tắt là CTĐT bằng tiếng Việt*) gồm có năm (05) học phần được sắp xếp từ thấp lên cao: Tiếng Anh nền tảng (8 tín chỉ) và Tiếng Anh 1 (5 tín chỉ), Tiếng Anh 2 (5 tín chỉ), Tiếng Anh 3 (5 tín chỉ) và Tiếng Anh 4 (5 tín chỉ);

b. Chương trình tiếng Anh học thuật dành cho các lớp thuộc chương trình đào tạo dạy và học bằng tiếng Anh (*sau đây gọi tắt là CTĐT bằng tiếng Anh*) gồm có bảy (07) học phần được sắp xếp từ thấp lên cao: IELTS Foundation (12 tín chỉ), IELTS 1 (4 tín chỉ), IELTS 2 (4 tín chỉ), IELTS 3 (4 tín chỉ), IELTS 4 (4 tín chỉ), Tiếng Anh học thuật 1 (4 tín chỉ), Tiếng Anh học thuật 2 (4 tín chỉ). Tiếng Anh học thuật 1 và Tiếng Anh học thuật 2 là hai (02) học phần tự chọn. Sinh viên có điểm IELTS Academic từ 6.0 trở lên có thể lựa chọn tham gia hai (02) học phần Tiếng Anh học thuật 1 và Tiếng Anh học thuật 2 và bắt buộc hoàn thành hai (02) học phần này khi đã quyết định đăng ký tham gia;

c. Sinh viên đã có tên trong danh sách đăng ký học phần tiếng Anh, phải học và tham dự kỳ thi kết thúc học phần tiếng Anh theo quy định của Trường, đạt điểm tối thiểu theo yêu cầu của học phần hiện tại mới được đăng ký học phần cao hơn kế tiếp (ngoại trừ trường hợp sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ đạt điểm quá trình theo khoản 4 Điều 4 hoặc đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra theo Điều 10 Quy định này).

**Điều 4. Xếp cấp độ học tiếng Anh chính khóa**

1. Sinh viên không có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng khoản 4 Điều này hoặc chưa có chứng chỉ tiếng Anh được sử dụng để công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này sẽ phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) tiếng Anh đầu vào do Trường tổ chức ở đầu Học kỳ 1 năm học thứ nhất;

2. Sinh viên không tham gia kỳ thi ĐGNL tiếng Anh đầu vào hoặc không được Trường cho phép bảo lưu tham gia với khóa tuyển sinh sau sẽ phải học học phần Tiếng Anh nền tảng (đối với sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Việt) hoặc IELTS Foundation (đối với sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Anh);

3. Căn cứ kết quả kỳ thi ĐGNL tiếng Anh đầu vào đầu mỗi khóa học, sinh viên sẽ được xếp vào các học phần sau:

<b>Chương trình tiếng Anh tổng quát</b> (Dành cho sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Việt)	<b>Chương trình tiếng Anh học thuật</b> (Dành cho sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Anh)
Tiếng Anh nền tảng	IELTS Foundation
Tiếng Anh 1	IELTS 1
Tiếng Anh 2	IELTS 2
Tiếng Anh 3	IELTS 3
Tiếng Anh 4	IELTS 4
-	Tiếng Anh học thuật 1 (lựa chọn)
-	Tiếng Anh học thuật 2 (lựa chọn)

4. Căn cứ vào kết quả ĐGNL tiếng Anh đầu vào hoặc kết quả chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp trong bảng dưới đây, sinh viên được sắp xếp lớp học phần phù hợp theo cấp độ tương ứng, cụ thể như sau:

	Điểm giải	Kết quả ĐGNL tiếng Anh đầu vào	CEFR	TOEIC	IELTS*	TOEFL iBT	Cambridge English Assessment
<b>1</b>	<b>CTĐT bằng tiếng Việt</b>						
1.1.	Xếp vào lớp Tiếng Anh nền tảng	Điểm xếp lớp được học lớp Tiếng Anh nền tảng	Dưới A2 Elementary (Basic)	Nghe, Đọc $\leq 315$ , Nói, Viết $\leq 180$	$< 4.0$	$< 32$	PET $< 140$
1.2	Xếp vào lớp Tiếng Anh 1	Điểm xếp lớp được học lớp Tiếng Anh 1	A2 Elementary (Basic)	$315 <$ Nghe, Đọc $\leq 400$ , $180 <$ Nói, Viết $\leq 200$	4.0	32-34	$140 \leq$ PET $< 150$
1.3	Xếp vào lớp Tiếng Anh 2						
1.4	Xếp vào lớp Tiếng Anh 3	Điểm xếp lớp được học lớp Tiếng Anh 3	B1 Pre-Intermediate (Independent)	Nghe, Đọc $> 400$ , Nói, Viết $> 200$	4.5	35-44	$150 \leq$ PET $< 153$
1.5	Xếp vào lớp Tiếng Anh 4						
<b>2</b>	<b>CTĐT bằng tiếng Anh</b>						
2.1	Xếp vào lớp IELTS Foundation	$\leq 4.5$	B1 Pre-Intermediate (Independent)	Nghe, Đọc $\leq 400$ , Nói, Viết $\leq 200$	$\leq 4.5$	$\leq 39$	PET $\leq 152$
2.2	Xếp vào lớp IELTS 1	5.0	B1 Intermediate (Independent)	$500 \leq$ Nghe, Đọc $< 550$ , $220 \leq$ Nói, Viết $< 240$	5.0	40-45	$153 \leq$ PET $\leq 159$
2.3	Xếp vào lớp IELTS 2						
2.4	Xếp vào lớp IELTS 3	$\geq 5.5$	B2 Upper-Intermediate (Independent)	$550 \leq$ Nghe, Đọc $< 670$ , $240 \leq$ Nói, Viết $< 270$	5.5	46 - 77	$160 \leq$ PET $< 170$
2.5	Xếp vào lớp IELTS 4						

\* Đối với CTĐT bằng Tiếng Anh: Chứng chỉ IELTS sử dụng là Chứng chỉ IELTS Academic



## Điều 5. Mục tiêu trình độ tiếng Anh tham chiếu trong quá trình đào tạo

1. Mục tiêu trình độ tiếng Anh của sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Việt sử dụng bảng sau làm cơ sở tham chiếu:

	Thời điểm	Khung năng lực Việt Nam	CEFR	TOEIC	IELTS	TOEFL iBT	Cambridge English Assessment	Ghi chú
1	Học kỳ thứ 1 Tiếng Anh nền tảng	Bậc 2	A2 Elementary (Basic)	315 < Nghe, Đọc ≤ 400, 180 < Nói, Viết ≤ 200	4.0	32-34	140 ≤ PET < 150	Sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu vào quá trình học hoặc đang tham gia học phần Tiếng Anh nền tảng bị giới hạn số tín chỉ đăng ký, cụ thể sinh viên chỉ được đăng ký tối đa 11 tín chỉ (bao gồm các tín chỉ của ngành 2); không bao gồm tín chỉ tiếng Anh, GDTC, GDQP.
2	Học kỳ thứ 1 Tiếng Anh 1	Bậc 3	B1 Pre-Intermediate (Independent)	Nghe, Đọc > 400, Nói, Viết > 200	4.5	35 - 39	150 ≤ PET < 153	
3	Học kỳ thứ 2 Tiếng Anh 2							
4	Học kỳ thứ 3 Tiếng Anh 3							
5	Học kỳ thứ 4 Tiếng Anh 4							
6	Học kỳ thứ 6	Trước Học kỳ thứ 6: Sinh viên không đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo (theo khoản 2 Điều 10) bị hạn chế số lượng tín chỉ đăng ký trong học kỳ thứ 6. Số tín chỉ đăng ký tối đa bằng tổng số tín chỉ trong kỳ thứ 6 của chương trình đào tạo trừ ba (-03) tín chỉ. Riêng đối với CTĐT ngành Kinh doanh quốc tế (7340120; 408) chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra tương đương TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, Đọc ≥ 550 và Nói, Viết ≥ 240. Đối với CTĐT Cử nhân tài năng chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra IELTS Academic 6.0 hoặc tương đương.						
7	Học kỳ thứ 7	Trước Học kỳ thứ 7: Sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định không được đăng ký các học phần của Học kỳ thứ 7 hoặc Học kỳ thứ 8 của chương trình đào tạo.						

\* Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành học phần **Tiếng Anh 1** mới được vào học tiếp học phần **Tiếng Anh 2**; hoàn thành học phần **Tiếng Anh 2** mới được học tiếp học phần **Tiếng Anh 3**; sinh viên phải hoàn thành học phần **Tiếng Anh 3** mới được vào học tiếp học phần **Tiếng Anh 4**.

2. Mục tiêu trình độ tiếng Anh của sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Anh sử dụng bảng sau làm cơ sở tham chiếu:

	Thời điểm	Khung năng lực Việt Nam	CEFR	TOEIC	IELTS Academic	TOEFL iBT	Cambridge English Assessment	Ghi chú
1	Học kỳ thứ 1 IELTS Foundation	Bậc 3	B1 Intermediate (Independent)	500 ≤ Nghe, Đọc < 550, 220 ≤ Nói, Viết < 240	5.0	40-45	153-159	Sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu vào quá trình học hoặc đang tham gia IELTS Foundation bị giới hạn số tín chỉ đăng ký, cụ thể sinh viên chỉ được đăng ký tối đa 11 tín chỉ (bao gồm các tín chỉ của ngành 2); không bao gồm tín chỉ tiếng Anh, GDTC, GDQP.
2	Học kỳ thứ 1 IELTS 1	Bậc 4	B2 Upper- Intermediate (Independent)	Nghe, Đọc ≥ 550, Nói, Viết ≥ 240	5.5	46 - 59	160 ≤ PET ≤ 170	
3	Học kỳ thứ 2 IELTS 2							
4	Học kỳ thứ 3 IELTS 3							
5	Học kỳ thứ 4 IELTS 4							
6	Học kỳ thứ 6	Trước Học kỳ thứ 6: Sinh viên không đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo (theo khoản 2 Điều 10) bị hạn chế số lượng tín chỉ đăng ký trong học kỳ thứ 6. Số tín chỉ đăng ký tối đa bằng tổng số tín chỉ trong kỳ thứ 6 của chương trình đào tạo trừ ba (-03) tín chỉ.						
7	Học kỳ thứ 7	Trước Học kỳ thứ 7: Sinh viên không đạt được chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định không được đăng ký các học phần của Học kỳ thứ 7 hoặc Học kỳ thứ 8 của chương trình đào tạo.						

\* Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành học phần **IELTS 1** mới được vào học tiếp học phần **IELTS 2**, hoàn thành học phần **IELTS 2** mới được học tiếp học phần **IELTS 3**; sinh viên phải hoàn thành học phần **IELTS 3** mới được vào học tiếp học phần **IELTS 4**.

### Điều 6. Quản lý học vụ

1. Các học phần tiếng Anh nêu trong quy định này (trừ học phần Tiếng Anh nền tảng và IELTS Foundation) được tổ chức và quản lý giảng dạy theo học chế tín chỉ, không tính vào tổng khối lượng của **toàn bộ chương trình đào tạo**;

2. Điểm trung bình các học phần tiếng Anh (không bao gồm học phần Tiếng Anh nền tảng và IELTS Foundation) được quản lý liên tục trong suốt quá trình đào tạo và sẽ



được ghi trên bảng điểm tốt nghiệp như một khối kiến thức chuyên biệt thể hiện khả năng tiếng Anh của sinh viên;

3. Sinh viên không nộp chứng chỉ ngoại ngữ đúng thời hạn để xét miễn theo quy định tại Điều 9 Quy định này bắt buộc phải học các cấp độ tiếng Anh theo chương trình quy định;

4. Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh đầu vào theo quy định bắt buộc phải tham gia học phần Tiếng Anh nền tảng (đối với sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Việt) hoặc IELTS Foundation (đối với sinh viên thuộc các CTĐT bằng tiếng Anh);

5. Căn cứ Kế hoạch giảng dạy và học tập hằng năm, Trường sẽ ban hành thông báo đến sinh viên về các đợt nộp chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hoặc sử dụng kết quả bài thi ĐGNL quá trình để xét bỏ giới hạn tín chỉ và miễn học phần ngoại ngữ trong chương trình.

### CHƯƠNG 3

#### XÉT MIỄN HỌC, MIỄN THI HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHÍNH KHÓA

##### **Điều 7. Đối tượng áp dụng**

Sinh viên CTĐT bằng tiếng Việt và CTĐT bằng tiếng Anh được xét miễn học và miễn thi các cấp độ tiếng Anh nếu đảm bảo một trong các điều kiện:

- a. Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp đạt điểm tối thiểu theo khoản 4 Điều 4 Quy định này và còn thời hạn sử dụng;
- b. Tham gia kỳ thi ĐGNL tiếng Anh quá trình do Trường tổ chức và có kết quả thi bảo đảm ngưỡng các bậc theo thông báo của Trường.

##### **Điều 8. Thời hạn giá trị và các chứng chỉ tiếng Anh được công nhận**

1. Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được công nhận bao gồm: Chứng chỉ TOEFL iBT (Test of English as a Foreign Language Internet-based Test) do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (English Testing Service - ETS) cấp, TOEIC (Test of English for International Communication) do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (English Testing Service - ETS) cấp, chứng chỉ IELTS (International English Language Testing System) của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Trường Đại học Cambridge (ESOL) do Hội đồng Anh (British Council) và Tổ chức giáo dục Úc (IDP Education Australia) cấp, Chứng chỉ Cambridge Assessment English do Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh Trường Đại học Cambridge cấp. Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition và chứng chỉ IELTS Indicator.

2. Thời hạn có giá trị của tất cả chứng chỉ được công nhận theo quy định là hai (02) năm (ngoại trừ chứng chỉ Cambridge Assessment English do Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh Trường Đại học Cambridge) kể từ ngày cấp đến thời điểm xét miễn học, miễn thi, xét đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra.

3. Danh mục các chứng chỉ để xét chuẩn quá trình được quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.



### **Điều 9. Thời hạn và thủ tục xin miễn học và miễn thi**

1. Căn cứ Kế hoạch giảng dạy và học tập hằng năm, Trường ban hành thông báo đến sinh viên có nguyện vọng xét miễn/giảm các cấp độ tiếng Anh chính khóa tại Trường về các đợt tiếp nhận chứng chỉ/bảng điểm để xét miễn học và miễn thi các học phần tiếng Anh. Trường không giải quyết các trường hợp gửi đơn sau thời hạn đã nêu.

2. Trường chỉ nhận chứng chỉ/bảng điểm được gửi trực tiếp từ các đơn vị tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ. Phòng Đào tạo sẽ hướng dẫn quy trình cụ thể.

## **CHƯƠNG 4 CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẦU RA**

### **Điều 10. Văn bằng, chứng chỉ được sử dụng để công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra**

#### 1. Văn bằng:

a. Văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước, nước ngoài mà ngành học là một (01) trong chín (09) ngoại ngữ được quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy định này;

b. Văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong nước, nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng toàn phần trong đào tạo là một (01) trong chín (09) ngoại ngữ được quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy định này không qua phiên dịch, được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng.

#### 2. Chứng chỉ ngoại ngữ:

a. Chứng chỉ ngoại ngữ bao gồm các loại chứng chỉ, với mức tối thiểu sau đây:

#### - Tiếng Anh

	<b>Chứng chỉ</b>	<b>CTĐT bằng tiếng Việt (trừ ngành Kinh doanh quốc tế)</b>	<b>CTĐT bằng tiếng Việt ngành Kinh doanh quốc tế (7340120; 408)</b>	<b>CTĐT bằng tiếng Anh, CTĐT Cử nhân tài năng (*)</b>
1	IELTS (*)	5.0	5.5	6.0
2	Cambridge Assessment English	PET: 153	PET: 160	FCE > 170
3	TOEFL iBT (**)	45	59	78
4	TOEIC (***)	- Nghe, Đọc: 500 - Nói, Viết: 220	- Nghe, Đọc: 550 - Nói, Viết: 240	- Nghe, Đọc: 670 - Nói, Viết: 270

(\*) Đối với CTĐT bằng tiếng Việt: không chấp nhận chứng chỉ IELTS Indicator. Đối với CTĐT bằng Tiếng Anh, CTĐT Cử nhân tài năng: chỉ chấp nhận chứng chỉ IELTS Academic.

(\*\*) Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition.

(\*\*\*) Sinh viên cần đạt được cùng lúc chứng chỉ TOEIC (Nghe, Đọc) và TOEIC (Nói, Viết) với mức điểm tối thiểu tương ứng.

**- Các ngoại ngữ khác (Không áp dụng cho CTĐT bằng tiếng Anh)**

Cấp độ dùng để tham chiếu theo khung CEFR	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Ý
Tương đương trình độ CEFR B1	TRKI 1	DELFB1 TCF B1	B1 ZD TDN3	HSK Level 3	JLPT N4	TOPIK II Type 3	DELE B1	PLIDA B1

b. Thời hạn công nhận chứng chỉ: Trong thời hạn hai (02) năm tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xác nhận đạt chuẩn (ngoại trừ chứng chỉ Cambridge Assessment English do Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh Trường Đại học Cambridge).

3. Trường chỉ nhận chứng chỉ ngoại ngữ được gửi trực tiếp từ các đơn vị tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ. Phòng Đào tạo sẽ hướng dẫn quy trình cụ thể.

**Điều 11. Xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra**

1. Định kỳ mỗi học kỳ hoặc vào các đợt xét tốt nghiệp hàng năm, Trường tổ chức “Xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra” cho các sinh viên có văn bằng, chứng chỉ đạt đủ chuẩn theo Điều 10 Quy định này và còn trong thời hạn hai (02) năm (ngoại trừ chứng chỉ Cambridge Assessment English do Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh Trường Đại học Cambridge) tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xét công nhận đạt chuẩn;

2. Trường hợp sinh viên là người có quốc tịch nước ngoài, hoặc đang theo học các đề án đặc biệt, Trường xem xét, kiểm tra để có căn cứ cho phép sinh viên được miễn các học phần tiếng Anh, xét thông qua chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra phù hợp với quy định của pháp luật;

3. Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra cho sinh viên và quyết định miễn các học phần tiếng Anh đối với sinh viên đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra theo quy định. Các quyết định này có hiệu lực cho đến khi sinh viên xét tốt nghiệp ra trường. /

*[Handwritten signature]*

HỒ CHÍ MINH